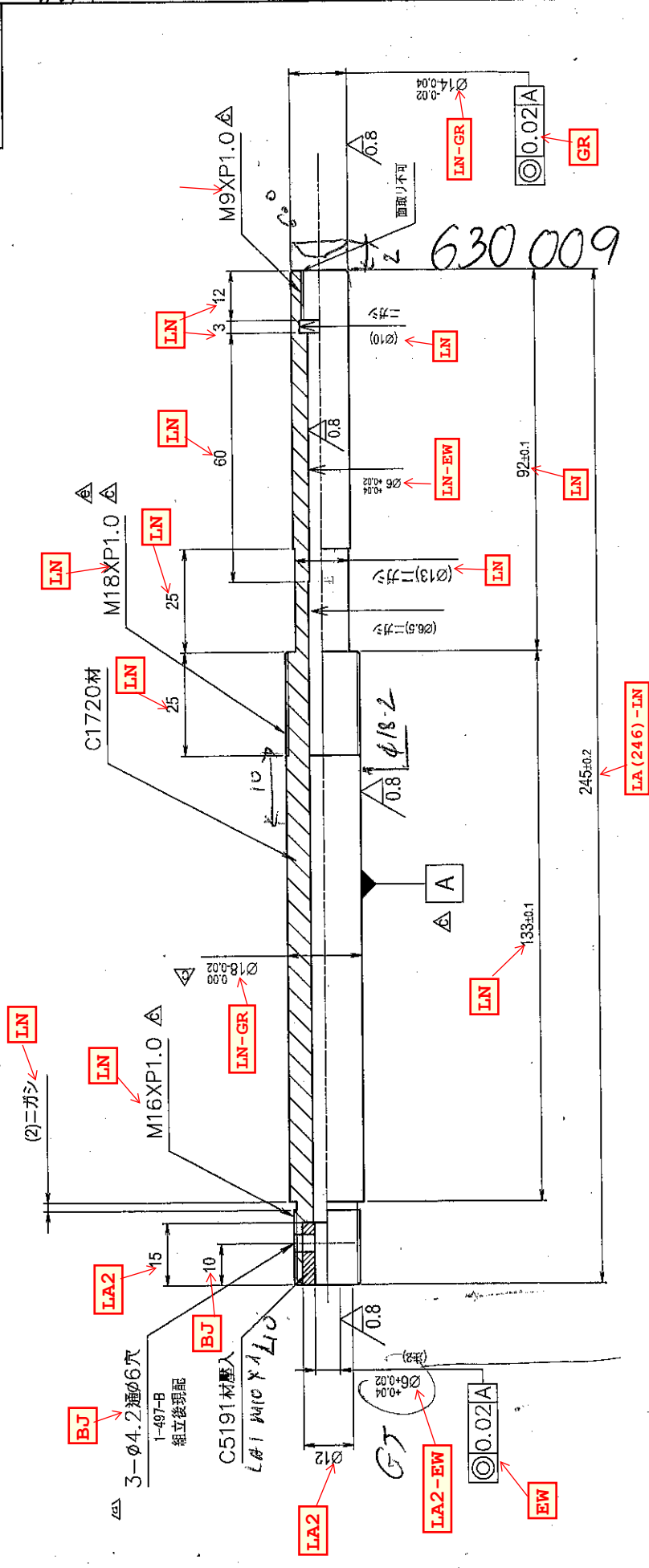


CUTTING TOLERANCE	
$0.5 \leq \phi \leq 6$	± 0.1
$6 < \phi \leq 30$	± 0.2
$30 < \phi \leq 120$	± 0.3
$120 < \phi \leq 400$	± 0.5
TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED APPLIES TO 8.0405-10.05 8.04194	
FINISH MARKS	
$3.2 \sqrt{0.8} \left(\frac{\Delta}{\sqrt{A}} \right)$	

REV.	DATE	DESCRIPTION	REF. No.	DWN.	CHKD.
Init.					
a	2014/07/11	BC 311 変更 5191	DDCS 0648	Lu, Dong Lin	Yang, Guo Lin
e	2016/10/05	付添修正	THAN-16-047	WANG, YONG	WU, JI, DONG

DSGND.	CHKD.	TITLE	PARTS NAME
T. Adachi	H. Hosokawa	部品図	メインシャフト
QUENCH TEMPER	SURFACE	PART DRAWING	MAIN SHAFT
HRC 37 ° ~ 45 °	HG(315DC-180M)	部品図	主軸
MATERIAL	DATE	部品図	主軸
C420+C5191	2005/12/17	SCALE	DWG.No.
		1:1	S466149



M10 L10 LA khoảng 15

Ø6.5

155

LAI làm theo hình này

The diagram shows a rectangular component with a central vertical slot. A dimension line on the right indicates a total width of 155. A dimension line on the left indicates a central width of Ø6.5. A label 'M10 L10 LA khoảng 15' points to the top-left corner. A label 'LAI làm theo hình này' is at the bottom right.

SNO: **S466149**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: C1720:Ø21*255 C5191:Ø20*20	LA:120 HT:40 LN:150 GR:90 LA2:60 BJ:20 EW:300 AF:20 KT